

Số: 01/2015/TT-BYT

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế**

*Căn cứ Khoản 2 Điều 22 của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định nội dung, tổ chức hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS, tư vấn trước và sau xét nghiệm HIV tại cơ sở y tế.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giai đoạn cửa sổ* là khoảng thời gian mà cơ thể người đã mang HIV nhưng chưa sinh ra đủ kháng thể để có phát hiện được bằng các xét nghiệm thông thường.

2. *Kết quả xét nghiệm HIV không xác định* là việc chưa xác định được sự có mặt của kháng thể kháng HIV trong máu, có thể không nhiễm HIV hoặc đã nhiễm HIV ở giai đoạn cửa sổ.

3. *Nhân viên tư vấn* là người đã được đào tạo về HIV/AIDS tại các cơ sở đào tạo y khoa hoặc đã được tập huấn về tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở đào tạo liên tục theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2013/TT-BYT).

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Bảo đảm tính bí mật thông tin của người được tư vấn.

2. Bảo đảm tư vấn theo đúng nội dung quy trình theo quy định của pháp luật.

3. Việc thông báo kết quả xét nghiệm dương tính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BYT ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trách nhiệm, trình tự thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính và Thông tư số 09/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục.

4. Bảo đảm giới thiệu chuyển gửi người có kết quả HIV dương tính đến dịch vụ chăm sóc, điều trị và dự phòng lây nhiễm HIV.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG TƯ VẤN PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

#### **Điều 4. Nội dung tư vấn về dự phòng trong phòng, chống HIV/AIDS**

Nội dung tư vấn chung và tư vấn đối với một số đối tượng cụ thể về dự phòng trong phòng, chống HIV/AIDS thực hiện quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 06/2012/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều kiện thành lập và nội dung hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.

#### **Điều 5. Nội dung tư vấn trước và sau xét nghiệm HIV**

1. Tư vấn trước xét nghiệm:

- a) Giới thiệu, thảo luận lý do tư vấn, xét nghiệm HIV;
- b) Thảo luận các nguy cơ có khả năng lây nhiễm HIV;
- c) Trao đổi, giải thích về ý nghĩa và lợi ích của việc xét nghiệm HIV và biết kết quả xét nghiệm HIV.

2. Tư vấn sau xét nghiệm HIV:

- a) Tư vấn cho người có kết quả xét nghiệm HIV âm tính:
  - Giải thích kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của giai đoạn cửa sổ;
  - Hướng dẫn, trao đổi các biện pháp giảm nguy cơ lây nhiễm HIV;
  - Tư vấn sự cần thiết tham gia các dịch vụ hỗ trợ về tinh thần, tâm lý, xã hội, chăm sóc y tế, dự phòng lây nhiễm HIV.
- b) Tư vấn cho người có kết quả khẳng định HIV dương tính:
  - Thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính;
  - Tư vấn hỗ trợ tinh thần, tâm lý;
  - Hướng dẫn cách bộc lộ tình trạng nhiễm HIV với vợ, chồng, người có quan hệ tình dục hoặc sử dụng chung bơm kim tiêm với người được tư vấn và

khuyến khích người được tư vấn giới thiệu các đối tượng này và con của người được tư vấn (nếu có) đến tư vấn và xét nghiệm HIV;

- Tư vấn về các biện pháp phòng lây nhiễm HIV cho người khác và trách nhiệm pháp lý đối với việc phòng lây nhiễm HIV cho người khác;

- Tư vấn về lợi ích và sự cần thiết tham gia dịch vụ chăm sóc, điều trị và dự phòng lây nhiễm HIV.

c) Đối với người có kết quả xét nghiệm HIV không xác định:

- Giải thích ý nghĩa của kết quả xét nghiệm;

- Đánh giá lại thời gian có nguy cơ phơi nhiễm HIV gần nhất của khách hàng và tư vấn việc cần thiết xét nghiệm lại HIV sau 14 ngày.

### **Chương III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 6. Điều kiện tổ chức hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS trong cơ sở y tế**

1. Điều kiện về nhân sự: có ít nhất 01 nhân viên tư vấn.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

a) Bảo đảm kín đáo, thông thoáng và đủ ánh sáng. Trường hợp thực hiện tư vấn theo hình thức tư vấn nhóm thì phải bảo đảm đủ chỗ ngồi tương ứng với số người được tư vấn;

b) Có trang thiết bị tối thiểu cần thiết cho hoạt động tư vấn, gồm bàn làm việc, ghế ngồi và tài liệu truyền thông phục vụ cho việc tư vấn.

#### **Điều 7. Hình thức tư vấn**

1. Hình thức tư vấn gồm:

a) Tư vấn nhóm;

b) Tư vấn cặp vợ, chồng hoặc hai người có quan hệ tình dục với nhau;

c) Tư vấn cá nhân.

2. Việc lựa chọn hình thức tư vấn tùy thuộc vào quy mô người bệnh, nhu cầu cụ thể của mỗi người bệnh. Không áp dụng tư vấn nhóm đối với tư vấn sau xét nghiệm HIV cho người bệnh có kết quả xét nghiệm HIV dương tính.

#### **Điều 8. Quy trình tư vấn phòng, chống HIV/AIDS**

1. Trường hợp đối tượng chủ động đề xuất:

a) Được tư vấn về dự phòng trong phòng, chống HIV/AIDS: nhân viên y tế thực hiện tư vấn cho người bệnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Được xét nghiệm HIV: nhân viên y tế thực hiện tư vấn cho người bệnh theo quy định tại Điều 5 Thông tư này nếu nhân viên đó đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư này. Trường hợp nhân viên y tế thực

hiện tư vấn chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư này thì phải giới thiệu đến nhân viên tư vấn.

2. Trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh, nhân viên y tế có trách nhiệm tư vấn hoặc giới thiệu đến nhân viên tư vấn để tư vấn thực hiện xét nghiệm HIV khi gặp các đối tượng sau:

- a) Người có hành vi nguy cơ cao;
- b) Người mắc bệnh lao;
- c) Người mắc các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục;
- d) Người nhiễm vi rút viêm gan C;
- e) Phụ nữ mang thai;
- f) Con của người nhiễm HIV;
- g) Người phơi nhiễm với HIV;

h) Người bệnh đã được khám lâm sàng và xét nghiệm cận lâm sàng nhưng không phát hiện được nguyên nhân gây bệnh hoặc có các triệu chứng lâm sàng nghi ngờ nhiễm HIV theo các quy định tại Quyết định số 3003/QĐ-BYT ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS.

3. Sau khi tư vấn trước xét nghiệm HIV, nếu người được tư vấn đồng ý thực hiện xét nghiệm HIV thì hướng dẫn người được tư vấn:

a) Ký đồng ý làm xét nghiệm HIV vào bệnh án nếu người được tư vấn là người bệnh đang được điều trị nội trú;

b) Điền và ký phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đối nếu người được tư vấn không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này.

4. Đối với người dưới 16 tuổi hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì phải tư vấn cho cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người đó (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp), trường hợp người đại diện hợp pháp đồng ý làm xét nghiệm HIV thì hướng dẫn người đó ký giấy tờ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Trong quá trình tư vấn, nhân viên tư vấn có trách nhiệm giới thiệu người được tư vấn đến các dịch vụ chăm sóc, điều trị và dự phòng lây nhiễm HIV phù hợp với tình trạng thực tế của người được tư vấn:

a) Dịch vụ y tế: chẩn đoán, điều trị và điều trị dự phòng nhiễm trùng cơ hội, điều trị bằng thuốc kháng HIV; dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; chẩn đoán và điều trị lao; các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục; điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; chăm sóc sức khỏe sinh sản;

b) Các dịch vụ can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV và hỗ trợ xã hội khác.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Cục Phòng, chống HIV/AIDS**

1. Hướng dẫn triển khai hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS trong cơ sở y tế.
2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền các tài liệu chuyên môn phục vụ hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS.
3. Đề xuất danh sách các đơn vị chịu trách nhiệm tập huấn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS cho nhân viên y tế trong các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế.
4. Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS trên toàn quốc định kỳ hoặc đột xuất.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai công tác tư vấn phòng, chống HIV/AIDS trong cơ sở y tế theo đúng hướng dẫn của Thông tư này.
2. Chỉ định các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý chịu trách nhiệm tập huấn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS bảo đảm đúng quy định tại Thông tư này và Thông tư 22/2013/TT-BYT hoặc đề nghị các đơn vị quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư này tổ chức tập huấn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS cho các nhân viên y tế trong các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý trong trường hợp cần thiết.
3. Kiểm tra, thanh tra và sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các cơ sở y tế**

1. Các cơ sở y tế sau đây có trách nhiệm tổ chức việc tư vấn về dự phòng trong phòng, chống HIV/AIDS cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu:
  - a) Cơ sở y tế dự phòng có chức năng phòng, chống HIV/AIDS;
  - b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa có chức năng điều trị bệnh truyền nhiễm, phòng khám chuyên khoa về phòng, chống HIV/AIDS.
2. Cơ sở y tế nếu có thực hiện kỹ thuật xét nghiệm HIV có trách nhiệm:
  - a) Tổ chức việc tư vấn về dự phòng trong phòng, chống HIV/AIDS cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu;
  - b) Tổ chức việc tư vấn trước và sau xét nghiệm HIV;
  - c) Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê báo cáo theo quy định cho cơ quan đầu mối về thu thập số liệu báo cáo về phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 12. Điều khoản tham chiếu**

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung sẽ thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

#### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2015.  
2. Bãi bỏ các quy định sau đây kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 647/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn tư vấn và xét nghiệm HIV tự nguyện;

b) Khoản 5 Điều 1 và cụm từ “Khoản 5” tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc xét nghiệm HIV bắt buộc trong một số trường hợp cần thiết để chẩn đoán và điều trị cho người bệnh.

#### **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

Các cơ sở y tế đang tổ chức hoạt động tư vấn phòng, chống HIV/AIDS được tiếp tục hoạt động nhưng phải củng cố, hoàn thiện để đáp ứng điều kiện của Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.

#### **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng cơ quan y tế các Bộ, ngành chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Y tế để nghiên cứu, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Phòng Công báo, Công thông tin điện tử CP);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Công thông tin điện tử BYT;
- Lưu: VT, PC, AIDS (05 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

  
**Nguyễn Thanh Long**

**Phụ lục**

**PHIẾU XÁC NHẬN ĐỒNG Ý XÉT NGHIỆM HIV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 02 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Tên đơn vị chủ quản

**Tên cơ sở y tế**

**PHIẾU XÁC NHẬN ĐỒNG Ý XÉT NGHIỆM HIV**

Họ và tên người được tư vấn:

Số điện thoại (nếu có):

Số CMND (hoặc giấy tờ tùy thân nếu có):

Dân tộc:

Giới tính:

Năm sinh:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú hiện tại (nếu khác nơi đăng ký hộ khẩu thường trú):

Nghề nghiệp:

Đối tượng:

Nguy cơ lây truyền HIV:

Sau khi được tư vấn đầy đủ, rõ ràng về nguy cơ lây nhiễm HIV và lợi ích của việc làm xét nghiệm HIV, tôi hoàn toàn đồng ý tự nguyện làm xét nghiệm HIV.

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Đối tượng tư vấn**

*(Ký và ghi rõ họ tên, trường hợp người bảo hộ cần ghi rõ họ và tên người đại diện hợp pháp và nêu rõ mối quan hệ với người được xét nghiệm HIV)*

**Cán bộ y tế**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP PHỤ LỤC

1. Địa chỉ: Ghi đầy đủ thông tin: (số nhà; tổ, xóm, ấp; xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

2. Nơi cư trú:

Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú.

Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú.

3. Nghề nghiệp: Ghi mã số tương ứng như sau

| STT | Nhóm nghề nghiệp   | Mã số |
|-----|--|-------|
| 1   | Nhân viên cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm                         | 1     |
| 2   | Lái xe   | 2     |
| 3   | Ngư dân  | 3     |
| 4   | Người làm nông nghiệp  | 4     |
| 5   | Công nhân  | 5     |
| 6   | Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân   | 6     |
| 7   | Công chức, viên chức, người lao động có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động | 7     |
| 8   | Học sinh, sinh viên  | 8     |
| 9   | Trẻ em   | 9     |
| 10  | Lao động tự do   | 10    |
| 11  | Thất nghiệp  | 11    |
| 12  | Phạm nhân  | 12    |

4. Đối tượng: Ghi theo mã số tương ứng như sau

| STT | Đối tượng xét nghiệm       | Mã số |
|-----|----------------------------|-------|
| 1   | Người nghiện chích ma túy  | 1     |
| 2   | Phụ nữ bán dâm             | 2     |
| 3   | Phụ nữ mang thai           | 3     |
| 4   | Người hiến máu             | 4     |
|     | Người bán máu              | 4.1   |
|     | Người hiến máu tình nguyện | 4.2   |
|     | Người nhà cho máu          | 4.3   |
| 5   | Người bệnh lao             | 5     |



|   |   |   |
|---|---|---|
| 6 | Người mắc nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục | 6 |
| 7 | Thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự              | 7 |
| 8 | Nam có quan hệ tình dục đồng giới                   | 8 |
| 9 | Các đối tượng khác                                  | 9 |

5. Hành vi nguy cơ: từ hành vi nguy cơ cao đến thấp.

| STT | Hành vi nguy cơ lây nhiễm  | Mã số |
|-----|--|-------|
| 1   | Tiêm chích ma túy  | 1     |
| 2   | Quan hệ tình dục với người bán dâm hoặc người mua dâm (vì tiền hay ma túy) | 2     |
| 3   | Quan hệ tình dục đồng giới nam   | 3     |
| 4   | Quan hệ tình dục với nhiều người (không vì tiền hay ma túy)                | 4     |
| 5   | Nguy cơ khác của bản thân  | 5     |

6. Đường lây: Ghi theo mã số tương ứng như sau

| STT | Đường lây truyền HIV            | Mã số |
|-----|---------------------------------|-------|
| 1   | Lây qua đường máu               | 1     |
| 1.1 | Lây qua đường tiêm chích ma túy | 1.1   |
| 1.2 | Truyền máu                      | 1.2   |
| 1.3 | Tai nạn nghề nghiệp             | 1.3   |
| 2   | Lây qua đường tình dục          | 2     |
| 2.1 | Tình dục đồng giới              | 2.1   |
| 2.2 | Tình dục khác giới              | 2.2   |
| 3   | Mẹ truyền sang con              | 3     |
| 4   | Không rõ                        | 4     |

7. Kết quả xác minh hiện trạng cư trú (mã số):

| STT | Hiện trạng xác minh nơi cư trú           | Mã số |
|-----|--|-------|
| 1   | Hiện đang sinh sống tại địa phương       | 1     |
| 2   | Chuyển đi nơi khác                       | 2     |
| 3   | Mất dấu                                  | 3     |
| 4   | Địa chỉ thu thập không có tại địa phương | 4     |

8. Hội chứng lâm sàng: Ghi theo mã số tương ứng như sau

| STT | Triệu chứng lâm sàng                    | Mã số |
|-----|---|-------|
| 1   | Sốt kéo dài                             | 1     |
| 2   | Đau đầu và các biểu hiện thần kinh khác | 2     |
| 3   | Hạch to                                 | 3     |

|    |                                     |    |
|----|-------------------------------------|----|
| 4  | Hội chứng hô hấp                    | 4  |
| 5  | Nuốt đau                            | 5  |
| 6  | Tiêu chảy mạn tính                  | 6  |
| 7  | Tổn thương da                       | 7  |
| 8  | Suy mòn                             | 8  |
| 9  | Thiếu máu                           | 9  |
| 10 | Chậm phát triển thể chất ở bệnh nhi | 10 |

9. Nguyên nhân tử vong: Ghi theo mã số tương ứng như sau

| <b>STT</b> | <b>Nguyên nhân tử vong</b>     | <b>Mã số</b> |
|------------|--------------------------------|--------------|
| 1          | Giai đoạn cuối của AIDS        | 1            |
| 2          | Do mắc bệnh khác               | 2            |
| 3          | Sốc do sử dụng ma túy quá liều | 3            |
| 4          | Tự tử                          | 4            |
| 5          | Tai nạn                        | 5            |
| 6          | Khác (ghi rõ)                  | 6            |
| 7          | Không rõ                       | 7            |